



nóng

浓

dense; thick; concentrated

Common Words

nóng mì

浓密

dense; thick (e.g., hair, forest)

nóng hòu

浓厚

dense; deep; strong

nóng zhòng

浓 重

heavy / dense

Trace each stroke, then write the character on your own.

浓 浓 浓 浓 浓 浓 浓 浓 浓 浓 浓